

Bản án số: 140/2018/HSST

Ngày: 29 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ -THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Hà

Ông Đỗ Xuân Phi

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 134/2018/TLST-HS ngày 14/11/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2018/QĐXXST-HS ngày 15/11/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày: 26/4/1979, tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: K58/10 đường A, tổ 02, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn M (chết) và bà Nguyễn Thị M (sinh năm 1960); có 02 con (01 con sinh năm 2007 và 01 con sinh năm 2008).

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo đang bị tạm giam (Có mặt).

- Người bị hại: Ông Nguyễn Chánh T1, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Tổ 05, phường D, quận L, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Người làm chứng: Ông Lê Anh T2, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Tổ 06, phường E, quận C, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thùy T và anh Nguyễn Chánh T1 có mối quan hệ quen biết nhau. Vào tháng 10 năm 2017, T gặp anh T1 tại quán cà phê 21 Hà Huy Tập, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng mượn 1.000.000 đồng với lý do là để T lo lót xin nhà chung cư thuộc diện Nhà nước bố trí cho hộ nghèo. Anh T1 đồng ý cho T mượn tiền. Nghe T nói có mối quan hệ xin được chung cư nên T1 nhờ T lo giúp xin một căn hộ chung cư. T nhận giúp và ra điều kiện là anh T1 phải đưa tiền để T lo. Để anh T1 tin tưởng và đưa tiền, T tự giới thiệu là có quen biết với chị Th đang công tác tại UBND phường B, quận C và T đang nhờ chị Th giúp xin chung cư. T đã sử dụng sim điện thoại số 0935.403.410 giả giọng và xưng là Th nói chuyện với anh T1 về việc lo xin căn hộ chung cư và nhiều lần yêu cầu anh T1 đưa tiền qua cho T. Đến tháng 12/2017, T dùng sim điện thoại số 0905.884.903 gọi điện cho T1, giả giọng khác và tự xưng là C đang làm việc tại UBND thành phố Đà Nẵng. C nói rằng Th bị ốm và lâu nay T1 đã lo sai đường nên không có kết quả, đồng thời C nhiều lần yêu cầu T1 tiếp tục đưa tiền để lo xin chung cư. Ngoài ra, T còn dùng sim điện thoại số 0935.569.005 giả giọng xưng là H và hứa hẹn nếu anh T1 xin được căn hộ chung cư thì H sẽ mua lại căn hộ chung cư với giá cao.

Bản thân Nguyễn Thị Thùy T không có công ăn việc làm ổn định, không có chức năng, khả năng xin căn hộ chung cư, nhưng trong khoảng thời gian từ tháng 10/2017 đến tháng 02/2018 T đã dùng thủ đoạn gian dối làm cho anh T1 tin tưởng nhiều lần đưa tiền cho T tại quán cà phê 21 đường A, quận C, Đà Nẵng và trước cổng Công ty nơi anh T1 làm việc tại đường K, Đà Nẵng. Tổng số tiền mà bị cáo T đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Chánh T1 là 350.000.000 đồng.

Qua điều tra, Nguyễn Thị Thùy T đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm như đã nêu trên.

* Về vật chứng: Cơ quan Điều tra đã chuyển vật chứng gồm: 01 điện thoại di động Iphone 5S, màu trắng số Imei 358689050234952 và 01 sim điện thoại số 0126.4860356 đến Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê để quản lý theo quy định của pháp luật.

* Về trách nhiệm dân sự: Đại diện gia đình bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 49.500.000 đồng. Số tiền còn lại 300.500.000 đồng, Bị hại và gia đình bị cáo tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại Cáo trạng số 136/CT-VKS ngày 13/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố Nguyễn Thị Thùy T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thùy T trình bày và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố là đúng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thùy T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy T từ 05 năm đến 06 năm tù.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thấy hành vi sai trái của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được về nuôi hai con còn nhỏ và chăm sóc mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Thanh Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Quá trình điều tra, xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thị Thùy T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Thị Thùy T là người không có công việc làm ổn định, không có chức năng và khả năng xin được nhà ở chung cư cho người khác. Nhưng trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 02 năm 2018, T đã dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Chánh T1 số tiền 350.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 mà Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và căn cứ vào khung hình phạt, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo,

giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu. Bản thân bị cáo là phụ nữ (không có chồng) nuôi 02 con còn nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết được quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xét bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật, mức hình phạt đối với bị cáo như đã nêu ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử sẽ xử lý như sau:

- Đối với 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, màu trắng, số Imei ghi bên ngoài vỏ máy là 358692057960454, đây là công cụ, phương tiện mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nhưng có giá trị. Nên cần tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 sim điện thoại đầu số 01264860356, đây là vật chứng không có giá trị, hoặc không sử dụng được. Nên tịch thu và tiêu hủy.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện gia đình bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 49.500.000 đồng. Số tiền còn lại 300.500.000 đồng, Bị hại và gia đình bị cáo tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Thùy T** phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thùy T: 05** (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 8 năm 2018.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, **Tuyên:**

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, màu trắng, số Imei ghi bên ngoài vỏ máy là 358692057960454.

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại đầu số 01264860356.

(Toàn bộ số vật chứng trên hiện nay do Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/11/2018).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND TP.Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- CQ CSĐT CAQ. Thanh Khê;
- CQ THAHS CAQ. Thanh Khê;
- Viện kiểm sát ND quận Thanh Khê;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Chi cục T.H.A DS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Dân